

TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC ĐẠI NAM

Số 2 (26) - 2026

MỤC LỤC

NGHIÊN CỨU VÀ DẠY HỌC TIẾNG VIỆT

Nguyễn Đức Tồn	<i>Đặc điểm ý nghĩa của các cặp loại từ đồng quy chiếu trong tiếng Việt từ góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận và hàm ý sự phạm</i>	4
Phạm Ngọc Hàm, Nguyễn Dương Châu	<i>Biểu tượng thị giác và sự phát triển ngữ nghĩa của 目 (mục) - 眼 (nhãn) trong tiếng Hán và từ Hán-Việt</i>	12
Vũ Thị Sao Chi	<i>Về vấn đề dạy học từ Hán-Việt chỉ số và các đơn vị thuần Việt tương đương</i>	21

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ DÂN TỘC THIỂU SỐ

Tạ Văn Thông, Tạ Quang Tùng	<i>Sách Đỏ ngôn ngữ Việt Nam</i>	34
Vương Toàn	<i>Về sự lệch chuẩn ngôn từ trong sáng tác gắn với văn hóa các dân tộc thiểu số</i>	44

NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU VÀ DẠY HỌC NGOẠI NGỮ

Vũ Văn Đại	<i>Dịch giả trước thách thức của dịch máy ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI): Khảo sát qua các bản dịch tác phẩm “Tắt đèn”</i>	51
Nguyễn Thị Bích Hà	<i>Ứng dụng phương pháp phân tích từ đồng nghĩa trong nghiên cứu và giảng dạy từ đồng nghĩa Hán-Nhật (Trường hợp: 適用 – 応用 – 活用/ てきよう – おうよう – かつよう)</i>	64
Hoàng Anh Thi, Trương Phương Thúy	<i>Sự tỉnh lược phương tiện xưng hô ngôi thứ hai trong giao tiếp tiếng Nhật: Ứng dụng trong dịch thuật Việt-Nhật và hàm ý sự phạm</i>	74
Hoàng Thị Yến, Nguyễn Thị Hải Hà	<i>Phân cấp ngữ liệu trong nghiên cứu đối chiếu hành động ngôn từ tiếng Hàn và tiếng Việt: Một góc nhìn phương pháp luận</i>	83
Vũ Thị Sao Chi, Lã Thị Thanh Mai	<i>Đối chiếu hệ thống biểu đạt hành động cảm ơn trong tiếng Việt và tiếng Hàn</i>	93

DAI NAM UNIVERSITY JOURNAL OF SCIENCE

No. 2 (26) - 2026

TABLE OF CONTENTS

RESEARCH AND VIETNAMESE LANGUAGE EDUCATION

Nguyễn Đức Tồn	<i>Semantic Characteristics of Co-referential Classifier Pairs in Vietnamese from a Cognitive Linguistic Perspective and Their Pedagogical Implications</i>	4
Phạm Ngọc Hàm, Nguyễn Dương Châu	<i>Visual Symbolism and the Semantic Development of 目 (Mục) and 眼 (Nhãn) in Chinese Characters and Sino-Vietnamese Words</i>	12
Vũ Thị Sao Chi	<i>On the Teaching and Learning Sino-Vietnamese Numeral Words and Their Native Vietnamese Equivalents</i>	21

LANGUAGES AND CULTURES OF ETHNIC MINORITY GROUPS

Tạ Văn Thông, Tạ Quang Tùng	<i>The Red Book of Languages in Vietnam</i>	34
Vương Toàn	<i>On Linguistic Deviation in Creative Works Associated with the Cultures of Ethnic Minorities</i>	44

CONTRASTIVE LINGUISTICS AND FOREIGN LANGUAGE EDUCATION

Vũ Văn Đại	<i>Translators Confronting the Challenges of AI-Based Machine Translation: A Study Based on Translations of “Tắt đèn”</i>	51
Nguyễn Thị Bích Hà	<i>Applying a Synonym Analysis Method in the Study and Teaching of Sino-Japanese Synonyms (The Case of 適用- 応用- 活用/ てきよう- おうよう- かつよう)</i>	64
Hoàng Anh Thi, Trương Phương Thúy	<i>The Ellipsis of Second-Person Addressing Means in Japanese Communication: Applications in Vietnamese–Japanese Translation and Pedagogical Implications</i>	74
Hoàng Thị Yến, Nguyễn Thị Hải Hà	<i>Hierarchical Classification of Data in Korean–Vietnamese Contrastive Speech Act Studies: A Methodological Perspective</i>	83
Vũ Thị Sao Chi, Lã Thị Thanh Mai	<i>A Contrastive Study of the System of Thanking Expressions in Vietnamese and Korean</i>	93